

Bản án số: 4563/2024/DS-ST
Ngày: 24-09-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Bà Phan Thị Bé

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2024DS ngày 22/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6399/2024/QĐXXST-DS ngày 06/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7481/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Trụ sở: 06 Phố Q, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: bà Không Thị Minh N, sinh năm 1985

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, T - L - số B V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền số 139602/2023/GUQMN-TCB ngày 19/12/2023)

Bị đơn:

1/ ông Hoàng Tuấn A, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: 8 Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 168 Đường D, khu dân cư L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ bà Đào Thị H1, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: 220 K, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội

Cư trú: D1715 Tòa D, Lô J, Chung cư B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 168 Đường D, khu dân cư L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà N có mặt; ông A và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 19/03/2024, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Khổng Thị Minh N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng K) và ông Hoàng Tuấn A bà Đào Thị H1 đã ký 02 hợp đồng tín dụng sau:

1/ Giấy Đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số PDL2020****5817/HDTD ngày 28/10/2020, nội dung: Số tiền vay: 1.900.000.000 đồng; Mục đích vay: mua bất động sản; Thời hạn vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Lãi suất vay: thả nổi; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn...

2/ Giấy Đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ và số PDP20207****854/HDTD ngày 05/01/2021, nội dung: Số tiền vay: 4.320.000.000 đồng; Mục đích vay: mua ô-tô; Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Lãi suất vay: thả nổi; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn...

Ngoài ra, Ngân hàng K cũng đã cấp cho ông Hoàng Tuấn A 02 thẻ tín dụng để sử dụng theo Giấy Đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309****9082 (hạn mức: 300.000.000 đồng, mục đích: vay tiêu dùng) và số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309****9074 (hạn mức: 300.000.000 đồng, mục đích: vay tiêu dùng).

Để đảm bảo cho việc thanh toán, ông Tuấn A và bà Đ đã thế chấp các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số W, Tờ bản đồ số W1, tọa lạc tại Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 829971, sổ vào sổ cấp GCN CS 23984, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/4/2020 cho ông Phạm Việt A1, cập nhật biến động sang tên ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 ngày 24/11/2020) theo Hợp đồng thế chấp số PDL202***40950/HDTC ngày 27/11/2020.

- Xe ô-tô hiệu Mercedes Benz, biển số 30F-5**.60, số khung WDD2229****351088, số máy 27682****3327 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 ****2597 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp cho bà Đào Thị H1 ngày 06/01/2021) theo Hợp đồng thế chấp số PDL202***04854/HDTC ngày 05/01/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng và sử dụng thẻ thì ông Tuấn A và bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: buộc ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 tiền còn nợ tính đến ngày 06/8/2024 là 5.542.815.089 đồng, trong đó:

- Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDL2020****5817/HDTC ngày 28/10/2020 là 1.110.193.604 đồng, gồm: Gốc: 945.476.000 đồng; Lãi: 164.717.604 đồng

- Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP20207****854/HDTC ngày 05/01/2021 là 3.379.224.250 đồng, gồm: Gốc: 2.819.974.137 đồng; Lãi: 559.250.113 đồng

- Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309****9082 là 479.115.976 đồng, gồm: Gốc: 299.974.507 đồng; Lãi và phí: 179.141.469 đồng

- Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309****9074 là 574.281.259 đồng, gồm: Gốc: 299.988.976 đồng; L và phí: 274.292.283 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 06/7/2024 cho đến khi ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H4 toán hết nợ.

2/ Trường hợp ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 không hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau để Ngân hàng thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số W, Tờ bản đồ số W1, tọa lạc tại Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 829971, sổ vào sổ cấp GCN CS 23984, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/4/2020 cho ông Phạm Việt A1, cập nhật biến động sang tên ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 ngày 24/11/2020) theo Hợp đồng thế chấp số PDL202***40950/HDTC ngày 27/11/2020.

- Xe ô-tô hiệu Mercedes Benz, biển số 30F-5**.60, số khung WDD2229****351088, số máy 27682****3327 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 ****2597 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp cho bà Đào Thị H1 ngày 06/01/2021) theo Hợp đồng thế chấp số PDL202***04854/HDTC ngày 05/01/2021.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 trình bày: xác nhận việc ký kết 02 Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ; 02 Giấy đề cấp thẻ tín dụng và 02 Hợp đồng thế chấp đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày.

Xác nhận số tiền còn nợ tính đến ngày 05/7/2024 là 5.453.659.792 đồng (gồm: tổng gốc 4.365.413.620 đồng và tổng nợ lãi 1.088.246.172 đồng). Bị đơn đồng ý trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng nhưng đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để bán tài sản trả nợ và xin được giảm tiền lãi.

Phương án đề xuất:

- Ngân hàng cho bị đơn 02 tháng để bán tài sản, giảm gốc.
- Đối với số nợ gốc và lãi còn lại thì cho thời gian 12 tháng để trả. Đồng thời Ngân hàng giảm cho bị đơn 50% tiền lãi

Bị đơn đồng ý để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ khi bị đơn không trả được nợ hoặc trả không hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Bà N trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông A và bà H1 phải thanh toán tính đến ngày 24/9/2024 là 5.684.679.139 đồng, trong đó:

- Giấy Đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số PDL2020****5817/HDTD ngày 28/10/2020 là 1.124.060.439 đồng, gồm: Gốc 945.476.000 đồng; Lãi 244.209.039 đồng

- Giấy Đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số PDP20207****854/HDTD ngày 05/01/2021 là 3.429.666.492 đồng, gồm: Gốc 2.819.974.137 đồng; Lãi 609.692.355 đồng

- Giấy Đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế

dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309*****9082 là 523.298.206 đồng, gồm: Gốc 299.974.507 đồng; L và phí là 223.323.699 đồng

- Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309*****9074 là 607.654.002 đồng, gồm: Gốc 299.988.976 đồng; L và phí là 307.665.026 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2024 cho đến khi ông Tuấn A và bà H1 thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn trình bày: vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ việc Tòa án vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng K yêu cầu ông A và bà H1 thanh toán số tiền vay còn nợ và bị đơn có địa chỉ tại Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng:

Ông A và bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt

* Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ 02 Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế

ước nhận nợ số PDL2020****5817/HDTD ngày 28/10/2020 và số PDP20207****854/HDTD ngày 05/01/2021; 02 Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309****9082 và số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309****9074; 02 Hợp đồng thế chấp; Bảng tính lãi; lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết các hợp đồng tín dụng và đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa ông A bà H1 và Ngân hàng K là có thật, tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó, Ngân hàng K đã thực hiện việc giải ngân 02 khoản tiền vay và giao 02 thẻ tín dụng cho ông A bà H1 theo đúng thỏa thuận.

Để đảm bảo cho việc thanh toán, ông Tuấn A và bà H1 đã thế chấp cho Ngân hàng K 02 tài sản gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số W, Tờ bản đồ số W1, tọa lạc tại Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Xe ô-tô hiệu Mercedes Benz, biển số 30F-5**.60, số khung WDD2229****351088, số máy 27682****3327.

Xét, nguyên đơn yêu cầu ông A bà H1 trả các khoản tiền còn nợ và trong quá trình giải quyết vụ án, ông A bà H1 cũng đã thừa nhận việc chậm thanh toán nợ, xác nhận số nợ và đồng ý trả nợ. Bị đơn đề nghị được trả dần và xin giảm tiền lãi nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận phương án trả nợ của bị đơn.

Xét, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, phương án trả nợ không được nguyên đơn chấp nhận. Căn cứ các điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông A bà H1 trả tổng số tiền còn nợ Ngân hàng K tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2024) là 5.684.679.139 đồng, trong đó: tổng gốc 4.365.413.620 đồng; tổng lãi và phí là 1.319.365.519 đồng; Lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2024 cho đến khi ông A và bà H1 thanh toán hết nợ gốc.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 829971, số vào sổ cấp GCN CS 23984, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/4/2020 cho ông Phạm Việt A1, cập nhật biến động sang tên ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 ngày 24/11/2020 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 ****2597 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp cho bà Đào Thị H1 ngày 06/01/2021, thì ông A bà H1 là chủ sở hữu hợp pháp của 02 tài sản gồm Quyền sử dụng đất tại thửa số W, Tờ bản đồ số W1, tọa lạc tại Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Xe ô-tô hiệu Mercedes Benz, biển số 30F-5**.60, số khung WDD2229****351088, số máy 27682****3327.

Ông A bà H1 đã đồng ý thế chấp 02 tài sản nêu trên cho Ngân hàng K để

đảm bảo cho các khoản vay tín dụng của mình theo 02 Hợp đồng thế chấp số PDL202***40950/HDTC ngày 27/11/2020 và số PDL202***04854/HDTC ngày 05/01/2021. Như vậy, việc thế chấp tài sản là tự nguyện, đã được lập thành văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đồng thời, việc thế chấp các tài sản đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Xét, Ngân hàng K1 yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ khi ông A bà H1 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu này của Ngân hàng.

Do đó, căn cứ các điều 299, 317, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các thủ tục kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ khi ông A bà H1 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: nguyên đơn tự nguyện chịu. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông A và bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 113.684.679 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, điều 721 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 299, 317, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 có trách nhiệm thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/9/2024 là 5.684.679.139 (Năm tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn một trăm ba mươi chín) đồng, trong đó:

- Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDL2020****5817/HDTD ngày 28/10/2020:

Gốc: 945.476.000 đồng

Lãi: 178.584.439 đồng

Tổng: 1.124.060.439 đồng

- Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số PDP20207****854/HDTD ngày 05/01/2021:

Gốc: 2.819.974.137 đồng

Lãi: 609.692.355 đồng

Tổng: 3.429.666.492 đồng

- Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309*****9082:

Gốc: 299.974.507 đồng

Lãi và phí: 223.323.299 đồng

Tổng: 523.298.206 đồng

- Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority số Hợp đồng TTD-01 ngày 20/10/2021, loại thẻ T2 visa, số tài khoản 197309*****9074:

Gốc: 299.988.976 đồng

Lãi và phí: 307.665.026 đồng

Tổng: 607.654.002 đồng

Lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2024 cho đến khi ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong 02 Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ và 02 Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority. Trường hợp trong 02 Giấy Đề nghị giải ngân kiêm Hợp

đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ và 02 Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng Priority, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì lãi suất mà ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Trường hợp ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 không hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các thủ tục kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau để Ngân hàng thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số W, Tờ bản đồ số W1, tọa lạc tại Khu phố A, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 829971, số vào sổ cấp GCN CS 23984, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/4/2020 cho ông Phạm Việt A1, cập nhật biến động sang tên ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị H1 ngày 24/11/2020) theo Hợp đồng thế chấp số PDL202***40950/HDTC ngày 27/11/2020.

- Xe ô-tô hiệu Mercedes Benz, biển số 30F-5**.60, số khung WDD2229****351088, số máy 27682****3327 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 ****2597 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp cho bà Đào Thị H1 ngày 06/01/2021) theo Hợp đồng thế chấp số PDL202***04854/HDTC ngày 05/01/2021.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 113.684.679 (Một trăm mười ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi chín) đồng, ông Hoàng Tuấn A và bà Đào Thị Hoài C. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K 56.646.194 (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000510 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã thực hiện xong.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh